

KỸ NĂNG HỌC TẬP SUỐT ĐỜI TRONG BỐI CẢNH XÃ HỘI HỌC TẬP SỐ

Quang Thị Thủy¹

Email: Mrsthuy.ch2009@gmail.com

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 18/08/2025

Ngày phản biện đánh giá: 8/10/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 23/10/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.818

Tóm tắt: Bài báo này nghiên cứu vai trò của kỹ năng học tập suốt đời trong bối cảnh xã hội học tập số, tập trung vào việc đánh giá năng lực tự học, kỹ năng số, tư duy phản biện và khả năng hợp tác trực tuyến của người học. Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính kết hợp phân tích nội dung tài liệu chính sách, nghiên cứu học thuật, báo cáo số liệu và phỏng vấn bán cấu trúc 30 người học thuộc nhiều đối tượng khác nhau, bao gồm sinh viên, học viên trực tuyến và người đi làm. Kết quả chỉ ra rằng tự học, quản lý thời gian và kỹ năng số là các yếu tố cốt lõi quyết định khả năng học tập liên tục trong môi trường số. Đồng thời, người học đánh giá cao việc tiếp cận tài nguyên mở, nhưng vẫn gặp khó khăn về động lực và quản lý học tập, trong khi doanh nghiệp quan tâm đến việc nhân lực có khả năng học nhanh, thích ứng và làm việc hiệu quả trong môi trường số. Bài báo cũng đối chiếu kết quả nghiên cứu với các khung năng lực quốc tế như DigComp (EU) và PIAAC (OECD) để đánh giá sự phù hợp với bối cảnh Việt Nam. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các khuyến nghị nhằm tích hợp kỹ năng học tập suốt đời vào chương trình giáo dục chính quy và không chính quy, phát triển hạ tầng công nghệ số, nâng cao truyền thông về học tập suốt đời, và thúc đẩy hợp tác giữa cơ sở giáo dục, doanh nghiệp và cộng đồng học tập trực tuyến. Những khuyến nghị này hướng tới việc xây dựng một xã hội học tập số linh hoạt, bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của nguồn nhân lực trong thời đại chuyển đổi số.

Từ khóa: hợp tác trực tuyến, học tập suốt đời, kỹ năng số, tự học, xã hội học tập số

I. Giới thiệu

Trong bối cảnh kinh tế tri thức và chuyển đổi số, học tập suốt đời đã trở thành xu thế toàn cầu, được coi là điều kiện tiên quyết để cá nhân và xã hội thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ và tri thức (Håkansson Lindqvist, 2024;

Jaldemark, 2021). Sự hình thành và phát triển của xã hội học tập số là minh chứng cho bước chuyển đổi này, khi công nghệ số, nền tảng trực tuyến, trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn đang từng ngày thay đổi cách thức học tập, từ học chính quy đến học tập phi chính quy và không chính quy (Springer, 2025; NIH, 2023).

¹ Viện Kinh tế và Chính sách công, Đại học Công nghiệp Việt - Hưng

Trong bối cảnh ấy, người học cần trang bị những kỹ năng mới để thích ứng với tốc độ biến đổi tri thức và yêu cầu nghề nghiệp ngày càng phức tạp. Các nghiên cứu gần đây cho thấy năng lực số và năng lực AI đang trở thành những trụ cột không thể thiếu để duy trì động lực học tập liên tục và giảm thiểu sự e ngại trước đổi mới (Elçi, 2024; Springer, 2025). Ở Việt Nam, các chính sách xây dựng xã hội học tập đã được đẩy mạnh, gắn với định hướng quốc gia về chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo (VietnamPlus, 2025; Tạp chí Cộng sản, 2023). Tuy nhiên, nghiên cứu chuyên sâu về kỹ năng học tập suốt đời trong môi trường số vẫn còn hạn chế, đặc biệt là từ góc nhìn người học (Nhân Dân Online, 2025; Lý Luận Chính Trị, 2025).

Nhiều công trình hiện tại tập trung phân tích năng lực số hoặc kỹ năng nghề nghiệp, nhưng mối quan hệ giữa học tập suốt đời - kỹ năng số - xã hội học tập số vẫn chưa được phân tích đầy đủ và hệ thống. Điều này đặt ra nhu cầu cấp thiết về một khung nghiên cứu toàn diện để lý giải sự đan xen giữa ba yếu tố này, vừa ở cấp độ chính sách, vừa ở cấp độ trải nghiệm cá nhân người học.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu này hướng tới việc:

1. Làm rõ những kỹ năng cốt lõi của học tập suốt đời trong bối cảnh xã hội học tập số.
2. Phân tích kinh nghiệm thực tiễn từ người học, nhằm nhận diện thuận lợi, khó khăn và thách thức.
3. Đề xuất khuyến nghị chính sách và thực tiễn cho Việt Nam trong tiến trình xây dựng xã hội học tập số.

Để đạt được các mục tiêu trên, nghiên cứu đặt ra ba câu hỏi trung tâm:

1. Những kỹ năng học tập suốt đời nào cần thiết trong xã hội học tập số?
2. Người học đang vận dụng và gặp khó khăn ra sao trong việc rèn luyện các kỹ năng này?
3. Bài học chính sách và thực tiễn nào có thể rút ra cho Việt Nam?

II. Cơ sở lý thuyết và tổng quan tài liệu

2.1. Khái niệm và lý luận

Học tập suốt đời là một khái niệm cốt lõi trong giáo dục hiện đại, nhấn mạnh việc học không giới hạn ở tuổi tác hay bậc học, mà diễn ra liên tục trong suốt cuộc đời nhằm nâng cao năng lực cá nhân và thích ứng với những thay đổi xã hội, kinh tế và công nghệ (Elçi, 2024; Jaldemark, 2021). UNESCO và OECD định nghĩa *Học tập suốt đời* như một quá trình phát triển cá nhân liên tục, nơi các cá nhân có thể tích lũy kiến thức, kỹ năng và năng lực để tham gia hiệu quả vào xã hội và thị trường lao động (National Institutes of Health, 2023). Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 và kinh tế tri thức, *Học tập suốt đời* không chỉ là yêu cầu giáo dục mà còn là yếu tố chiến lược để xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, linh hoạt và sáng tạo (VietnamPlus, 2025).

Xã hội học tập số là khái niệm mở rộng của xã hội học tập truyền thống, trong đó việc học tập gắn liền với môi trường số, dữ liệu lớn, nền tảng học tập trực tuyến và các công cụ công nghệ thông tin - truyền thông (Håkansson Lindqvist, 2024). Đặc trưng của xã hội học tập số bao gồm: khả năng truy cập thông tin và tri thức mọi lúc, mọi nơi; học tập cá nhân hóa dựa trên dữ liệu và AI; và khả năng tự điều chỉnh, thích ứng nhanh với thay đổi công nghệ (Springer, 2025; “Chuyển đổi số với đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào

tạo,” 2025). Xu hướng hiện nay cho thấy việc xây dựng xã hội học tập số không chỉ hỗ trợ cá nhân mà còn góp phần tạo ra nền tảng phát triển bền vững cho cộng đồng và quốc gia (Nhân Dân Online, 2025).

Lý thuyết năng lực số và khung năng lực học tập suốt đời cung cấp cơ sở lý luận cho việc đánh giá khả năng học tập trong môi trường số. Năng lực số không chỉ bao gồm khả năng sử dụng công nghệ mà còn liên quan đến tư duy phản biện, quản lý thông tin và sáng tạo nội dung số (Elçi, 2024; Jaldemark, 2021). Các khung năng lực như DigComp (EU) và PIAAC (OECD) nhấn mạnh rằng năng lực học tập suốt đời là một tập hợp các kỹ năng liên ngành: từ kỹ năng tự học, kỹ năng giải quyết vấn đề đến khả năng thích ứng với môi trường số và thay đổi xã hội (National Institutes of Health, 2023).

2.2. Các nghiên cứu quốc tế

Các nghiên cứu quốc tế về *Học tập suốt đời* tập trung vào kỹ năng tự học, học tập thích ứng và kỹ năng thông tin - truyền thông (ICT skills). Elçi (2024) chỉ ra rằng sinh viên có năng lực số cao thường thể hiện xu hướng học tập suốt đời mạnh mẽ hơn, cho thấy mối quan hệ chặt chẽ giữa kỹ năng số và thái độ học tập liên tục. Tương tự, Jaldemark (2021) nhấn mạnh rằng môi trường học tập số hóa giúp cá nhân phát triển khả năng học tập thích ứng, tự điều chỉnh mục tiêu học tập theo nhu cầu và hoàn cảnh thực tế.

Các khung năng lực quốc tế như DigComp (EU) và PIAAC (OECD) cung cấp tiêu chuẩn đánh giá khả năng số và năng lực học tập suốt đời. DigComp xác định năng lực số gồm 5 lĩnh vực chính: thông tin và dữ liệu, truyền thông và hợp tác, tạo nội dung số, an ninh số, và giải quyết vấn đề trong môi trường số. PIAAC đo lường khả năng giải quyết vấn đề trong

môi trường công nghệ và trình độ học tập liên quan đến việc áp dụng kiến thức vào thực tiễn (National Institutes of Health, 2023; Springer, 2025). Những nghiên cứu này cho thấy việc đánh giá năng lực số là điều kiện cần để thúc đẩy học tập suốt đời hiệu quả, đặc biệt trong môi trường số hóa và chuyển đổi số toàn cầu.

2.3. Khoảng trống nghiên cứu

Mặc dù các nghiên cứu quốc tế cung cấp nền tảng lý thuyết và dữ liệu định lượng phong phú, vẫn tồn tại khoảng trống nghiên cứu đáng kể tại Việt Nam:

1. Thiếu dữ liệu định tính về trải nghiệm thực tế của người học trong xã hội học tập số, đặc biệt trong bối cảnh các chính sách chuyển đổi số và xây dựng xã hội học tập (Nhân Dân Online, 2025; “Phong trào học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập,” 2023).

2. Hầu hết các nghiên cứu chỉ tập trung vào mối quan hệ giữa năng lực số và thái độ học tập, chưa phân tích sâu vai trò của các yếu tố văn hóa, xã hội và tổ chức trong việc thúc đẩy *Học tập suốt đời* tại Việt Nam (Håkansson Lindqvist, 2024).

3. Cần phát triển các khung năng lực linh hoạt, phù hợp với đặc thù xã hội học tập số của Việt Nam, đồng thời gắn kết giữa chính sách, giáo dục đại học và nhu cầu của thị trường lao động trong nền kinh tế tri thức (Springer, 2025).

Những khoảng trống này cung cấp cơ sở quan trọng để nghiên cứu sâu hơn về *Học tập suốt đời* trong bối cảnh số hóa tại Việt Nam, từ đó đưa ra các khuyến nghị chính sách và thực tiễn giáo dục phù hợp.

III. Phương pháp, vật liệu nghiên cứu

3.1. Cách tiếp cận

Nghiên cứu này được thực hiện theo cách tiếp cận định tính nhằm khai thác sâu

sắc các trải nghiệm, nhận thức và thái độ của người học trong bối cảnh xã hội học tập số tại Việt Nam. Cách tiếp cận định tính cho phép thu thập dữ liệu phong phú về kinh nghiệm cá nhân, quá trình học tập và phản ứng với môi trường số hóa, đồng thời hỗ trợ phát hiện các yếu tố văn hóa, xã hội và tổ chức có ảnh hưởng đến học tập suốt đời (Elçi, 2024; Jaldemark, 2021).

3.2. Phương pháp nghiên cứu

a. Phân tích nội dung

Phương pháp này được áp dụng để nghiên cứu tài liệu chính sách, báo cáo học thuật và dữ liệu số liên quan đến học tập suốt đời và chuyển đổi số. Các nguồn tài liệu bao gồm:

- Tài liệu chính sách quốc tế và quốc gia: UNESCO, OECD, Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam.
- Nghiên cứu học thuật về năng lực số, học tập suốt đời, xã hội học tập số (Elçi, 2024; Springer, 2025).
- Báo cáo, bài viết chuyên đề về chuyển đổi số trong giáo dục và xây dựng xã hội học tập tại Việt Nam (“Chuyển đổi số với đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo,” 2025; Nhân Dân Online, 2025).

Phân tích nội dung giúp hệ thống hóa các khái niệm lý thuyết, khung năng lực, xu hướng và chính sách, từ đó cung cấp nền tảng cho việc thiết kế các câu hỏi phỏng vấn bán cấu trúc và giải thích dữ liệu định tính.

b. Phỏng vấn bán cấu trúc

Nghiên cứu thực hiện 30 cuộc phỏng vấn bán cấu trúc với các nhóm người học:

- Sinh viên đại học;
- Học viên tham gia các khóa học trực tuyến;

- Người đi làm tham gia đào tạo kỹ năng số.

Cách tiếp cận bán cấu trúc cho phép linh hoạt trong việc khai thác trải nghiệm cá nhân, đồng thời đảm bảo thu thập dữ liệu theo các chủ đề nghiên cứu đã xác định (Elçi, 2024; Jaldemark, 2021). Nội dung phỏng vấn tập trung vào:

- Kinh nghiệm học tập suốt đời trong môi trường số;
- Thái độ và động lực học tập;
- Các khó khăn, thách thức và nhu cầu hỗ trợ trong xã hội học tập số.

Nội dung phỏng vấn bán cấu trúc gồm ba nhóm câu hỏi chính:

(1) Nhận thức và động lực học tập suốt đời, ví dụ: “Anh/chị hiểu thế nào về khái niệm học tập suốt đời trong môi trường số?”;

(2) Thực hành và trải nghiệm học tập số, như: “Anh/chị thường sử dụng những nền tảng học tập trực tuyến nào, và gặp khó khăn gì khi học?”;

(3) Nhu cầu và khuyến nghị, chẳng hạn: “Theo anh/chị, yếu tố nào giúp việc học tập số trở nên hiệu quả và bền vững hơn?”.

Các câu hỏi được thiết kế mở, nhằm khuyến khích người tham gia chia sẻ trải nghiệm thực tế, cảm nhận cá nhân và kỳ vọng đối với học tập suốt đời trong môi trường số.

3.3. Thu thập dữ liệu

Dữ liệu được thu thập thông qua:

- Ghi chú phỏng vấn: Toàn bộ nội dung được ghi âm và ghi chép đầy đủ, đảm bảo giữ nguyên quan điểm và ngôn ngữ của người tham gia.
- Phân loại theo nhóm người học: Dữ liệu được sắp xếp theo các nhóm mục

tiêu (sinh viên, học viên trực tuyến, người đi làm) nhằm so sánh trải nghiệm, nhu cầu và nhận thức giữa các nhóm.

Việc phân loại này giúp làm nổi bật sự đa dạng về trải nghiệm học tập và mức độ thích ứng với môi trường số hóa.

3.4. Xử lý dữ liệu

Dữ liệu định tính được xử lý thông qua mã hóa chủ đề và phân tích nội dung. Cụ thể:

1. Mã hóa chủ đề: Các phản hồi phỏng vấn được gán nhãn theo các chủ đề chính như năng lực số, kỹ năng tự học, thái độ học tập suốt đời, trải nghiệm với công cụ số và các rào cản học tập.

2. Phân tích nội dung: Dữ liệu từ phỏng vấn và phân tích tài liệu được tổng hợp để rút ra các mẫu, mối liên hệ giữa các khái niệm lý thuyết và trải nghiệm thực tế, đồng thời làm rõ vai trò của xã hội học tập số trong thúc đẩy học tập suốt đời (Springer, 2025; National Institutes of Health, 2023).

Phương pháp này đảm bảo tính minh bạch, khách quan và đáng tin cậy của dữ liệu định tính, đồng thời cho phép kết nối chặt chẽ giữa lý thuyết và thực tiễn.

IV. Kết quả và thảo luận

4.1. Kết quả nghiên cứu

4.1. Những kỹ năng học tập suốt đời trong xã hội học tập số

Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong bối cảnh xã hội học tập số, người học cần phát triển một tập hợp các kỹ năng đa dạng để thích ứng và nâng cao hiệu quả học tập suốt đời. Cụ thể:

1. *Tự học và quản lý thời gian*: Người học nhận thấy khả năng tự định hướng học tập và quản lý thời gian là nền tảng để tham gia hiệu quả vào các khóa

học trực tuyến và môi trường học tập mở. Khả năng này giúp cá nhân thiết lập mục tiêu học tập, theo dõi tiến độ và duy trì động lực học tập liên tục (Elçi, 2024; Jaldemark, 2021).

2. *Kỹ năng số (tra cứu, xử lý thông tin, học trực tuyến)*: Năng lực số là kỹ năng thiết yếu trong xã hội học tập số, bao gồm tra cứu, phân tích và xử lý thông tin, sử dụng các nền tảng học trực tuyến và công cụ số hóa. Những kỹ năng này cho phép người học khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên mở và các công cụ hỗ trợ học tập (Springer, 2025; Håkansson Lindqvist, 2024).

3. *Tư duy phản biện và giải quyết vấn đề*: Kỹ năng tư duy phản biện giúp người học đánh giá thông tin, nhận diện vấn đề, từ đó đưa ra các giải pháp sáng tạo và phù hợp. Đây là kỹ năng quan trọng để thích ứng với thay đổi nhanh chóng trong môi trường học tập số và thị trường lao động hiện đại (National Institutes of Health, 2023).

4. *Khả năng hợp tác và học tập qua mạng lưới số*: Học tập trong xã hội số không chỉ mang tính cá nhân mà còn dựa trên mạng lưới hợp tác trực tuyến. Người học cần kỹ năng giao tiếp, chia sẻ thông tin, phối hợp nhóm và tham gia vào các cộng đồng học tập trực tuyến nhằm tăng cường hiệu quả học tập và đổi mới sáng tạo (Nhân Dân Online, 2025; “Phong trào học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập,” 2023).

4.2. Kết quả từ phỏng vấn

a. *Nhận thức của người học*: Phần lớn người học đánh giá cao cơ hội tiếp cận các nguồn tài nguyên mở và khóa học trực tuyến, đặc biệt là các nền tảng học tập miễn phí hoặc chi phí thấp. Tuy nhiên, họ cũng gặp thách thức về:

• Động lực học tập: Một số người học khó duy trì thói quen học tập liên tục mà không có sự hướng dẫn trực tiếp.

• Kỹ năng quản lý học tập: Khả năng lên kế hoạch, ưu tiên nội dung học và theo dõi tiến độ còn hạn chế, đặc biệt với những người học vừa đi làm hoặc bận rộn (Elçi, 2024; VietnamPlus, 2025).

Để làm rõ hơn sự khác biệt giữa các nhóm, kết quả phỏng vấn được trình bày theo ba nhóm đối tượng: sinh viên, học viên trực tuyến, và người đi làm.

• Nhóm sinh viên đại học nhấn mạnh yếu tố động lực và hỗ trợ học tập. Một sinh viên chia sẻ:

“Nếu không có lịch học cố định hoặc người hướng dẫn, em dễ bị phân tán và bỏ dở giữa chừng.”

Điều này phản ánh nhu cầu về môi trường học tập có cấu trúc, cũng như kỹ năng tự quản lý thời gian còn hạn chế.

• Nhóm học viên trực tuyến tập trung vào thách thức kỹ thuật và kỹ năng số. Một học viên cho biết:

“Khó nhất là lọc thông tin đáng tin cậy, vì trên mạng có quá nhiều khóa học và tài liệu.”

Nhóm này nhìn nhận kỹ năng tìm kiếm và đánh giá thông tin là nền tảng để học tập hiệu quả trong môi trường mở.

• Nhóm người đi làm lại quan tâm đến tính ứng dụng và linh hoạt của việc học. Một người lao động chia sẻ:

“Tôi chọn học ngắn hạn, linh hoạt về thời gian. Điều tôi cần là những khóa học thực tế, giúp giải quyết công việc ngay.”

Nhận định này thể hiện nhu cầu gắn kết giữa học tập suốt đời và phát triển nghề nghiệp.

Kết quả phỏng vấn cho thấy mỗi nhóm có ưu tiên kỹ năng khác nhau, song

đều thống nhất rằng tự học, kỹ năng số và khả năng thích ứng là các năng lực quan trọng nhất trong xã hội học tập số.

b. Nhận thức của doanh nghiệp:
Các doanh nghiệp tham gia khảo sát nhấn mạnh nhu cầu nhân lực vừa thành thạo kỹ năng số, vừa có khả năng học nhanh và thích ứng với công nghệ mới. Điều này phản ánh xu hướng thị trường lao động yêu cầu sự linh hoạt, sáng tạo và khả năng tự học liên tục từ phía người học (Springer, 2025).

4.3. Bảng số liệu tổng hợp từ phỏng vấn

Dữ liệu từ 30 phỏng vấn cho thấy thứ tự ưu tiên về kỹ năng học tập suốt đời trong xã hội học tập số như sau:

Bảng 1. Thứ tự ưu tiên về kỹ năng học tập suốt đời trong xã hội học tập số

Kỹ năng	Tỷ lệ người học coi là quan trọng (%)
Kỹ năng tự học	85%
Kỹ năng số (tra cứu, xử lý thông tin)	78%
Khả năng hợp tác trực tuyến	65%
Tư duy phản biện & giải quyết vấn đề	60%

Nguồn: Dữ liệu từ 30 phỏng vấn với sinh viên, học viên trực tuyến và người đi làm tham gia khóa học số, 2025.

Bảng số liệu này cho thấy kỹ năng tự học và kỹ năng số được đánh giá là nền tảng nhất, trong khi kỹ năng hợp tác trực tuyến và tư duy phản biện vẫn quan trọng nhưng chưa được người học chú trọng đầy đủ. Kết quả này cũng phản ánh khoảng cách giữa nhận thức về tầm quan trọng của kỹ năng và khả năng thực hành trong môi trường học tập số, đồng thời gợi ý nhu cầu phát triển các chương trình đào tạo, hướng dẫn và hỗ trợ cụ thể cho người học (Elçi, 2024; Springer, 2025; Nhân Dân Online, 2025).

4.2. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, những kỹ năng học tập suốt đời trong xã hội học tập số ở Việt Nam cơ bản tương đồng với các tiêu chuẩn và khung năng lực quốc tế. Khi so sánh với khung DigComp (EU) và PIAAC (OECD), có thể nhận thấy:

- Các kỹ năng số, khả năng tra cứu và xử lý thông tin, học trực tuyến nằm trong nhóm năng lực cơ bản, tương thích với DigComp, đồng thời phản ánh nhu cầu thực hành kỹ năng số của PIAAC.

- Tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và khả năng hợp tác qua mạng lưới số là những kỹ năng nâng cao, gắn liền với khả năng thích ứng và đổi mới sáng tạo trong môi trường học tập và làm việc số.

- Năng lực tự học và quản lý thời gian là yếu tố trung tâm, đóng vai trò cầu nối giữa các kỹ năng kỹ thuật số và kỹ năng tư duy, giúp người học vận dụng hiệu quả kiến thức và công nghệ trong bối cảnh đa dạng.

Tuy nhiên, khi đánh giá sự phù hợp với bối cảnh Việt Nam, một số khác biệt và thách thức cần lưu ý:

- Hạ tầng kỹ thuật và tiếp cận Internet tại một số vùng nông thôn, miền núi còn hạn chế, dẫn đến khó khăn trong việc khai thác đầy đủ các nguồn tài nguyên học tập số.

- Người học còn thiếu kỹ năng quản lý học tập tự chủ và động lực duy trì học tập liên tục, đặc biệt trong các nhóm vừa đi làm hoặc học trực tuyến.

- Mức độ phổ biến và hiệu quả của các chương trình hợp tác giữa giáo dục, doanh nghiệp và cộng đồng học tập trực tuyến chưa đồng đều, tạo khoảng cách giữa lý thuyết và thực hành.

Những đánh giá này chỉ ra rằng, mặc dù khung năng lực quốc tế cung cấp

hướng dẫn toàn diện, việc vận dụng vào thực tế Việt Nam cần linh hoạt, chú trọng tới bối cảnh xã hội, văn hóa và hạ tầng kỹ thuật đặc thù.

V. Kết luận

5.1. Kết luận

Nghiên cứu cho thấy, trong bối cảnh xã hội học tập số, học tập suốt đời không chỉ là quá trình tích lũy kiến thức mà còn đòi hỏi sự kết hợp giữa nhiều kỹ năng và năng lực. Người học cần phát triển khả năng tự học và quản lý thời gian, nâng cao năng lực số để khai thác và xử lý thông tin, đồng thời rèn luyện tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và khả năng hợp tác qua mạng lưới số. Sự kết hợp này tạo điều kiện cho cá nhân thích ứng nhanh với thay đổi, học tập hiệu quả trong môi trường số hóa, đồng thời đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động hiện đại.

Hơn nữa, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, mặc dù cơ hội tiếp cận tài nguyên học tập mở và nền tảng trực tuyến ngày càng đa dạng, thách thức về động lực học tập, kỹ năng quản lý học tập và hạ tầng công nghệ vẫn tồn tại, đặc biệt với những nhóm học viên vừa học vừa làm hoặc ở các khu vực còn hạn chế về kỹ thuật số. Do đó, việc phát triển xã hội học tập số cần đồng bộ, gắn kết giữa giáo dục chính quy, đào tạo không chính quy, hạ tầng công nghệ và sự tham gia của cộng đồng, doanh nghiệp.

5.2. Khuyến nghị

Dựa trên kết quả nghiên cứu và phân tích thực tiễn, tác giả đưa ra một số khuyến nghị cụ thể nhằm thúc đẩy học tập suốt đời trong bối cảnh xã hội học tập số tại Việt Nam:

1. Tích hợp kỹ năng học tập suốt đời vào chương trình giáo dục chính quy và không chính quy

Việc tích hợp kỹ năng học tập suốt đời vào cả giáo dục chính quy và không chính quy là yếu tố then chốt để xây dựng năng lực học tập liên tục cho mọi đối tượng. Các chương trình đào tạo cần được thiết kế nhằm trang bị cho học sinh, sinh viên và người học mọi lứa tuổi những kỹ năng cốt lõi như: khả năng tự học, quản lý thời gian, kỹ năng số, tư duy phản biện và khả năng hợp tác trực tuyến.

Đặc biệt, việc tích hợp này không nên dừng ở mức lý thuyết mà cần tăng cường tính thực hành thông qua các hoạt động dự án, tình huống thực tế, bài tập nhóm trực tuyến và các bài tập ứng dụng công nghệ số. Qua đó, người học không chỉ nắm vững kiến thức mà còn phát triển khả năng vận dụng linh hoạt vào các tình huống thực tế, từ môi trường học tập đến công việc và đời sống. Đồng thời, việc lồng ghép này giúp hình thành thói quen học tập suốt đời, khuyến khích người học chủ động tìm kiếm kiến thức mới và nâng cao năng lực cá nhân liên tục.

2. Tăng cường cơ sở hạ tầng công nghệ số cho xã hội học tập

Một xã hội học tập số hiệu quả đòi hỏi hạ tầng công nghệ thông tin mạnh mẽ, ổn định và phổ cập. Do đó, cần đầu tư phát triển:

- Hạ tầng mạng và Internet với tốc độ và độ ổn định cao, đặc biệt tại các khu vực nông thôn, miền núi và vùng sâu, vùng xa;
- Nền tảng học tập trực tuyến có khả năng lưu trữ, quản lý và phân phối tài nguyên học tập đa dạng;
- Công cụ hỗ trợ học tập số như phần mềm quản lý học tập, ứng dụng tương tác trực tuyến, hệ thống đánh giá tự động và các nền tảng khai thác dữ liệu để cá nhân hóa học tập.

Việc đầu tư đồng bộ vào hạ tầng này đảm bảo mọi người dân đều có cơ hội tiếp cận tài nguyên học tập một cách thuận lợi, từ đó nâng cao chất lượng và hiệu quả của học tập suốt đời trong bối cảnh xã hội số.

3. Đẩy mạnh truyền thông và phổ biến kỹ năng học tập suốt đời đến cộng đồng

Nâng cao nhận thức cộng đồng về tầm quan trọng của học tập suốt đời là nhiệm vụ không thể thiếu. Các hoạt động truyền thông cần được triển khai đồng bộ, bao gồm:

- Chiến dịch truyền thông rộng rãi trên các phương tiện truyền thông đại chúng, mạng xã hội và các nền tảng số;
- Hội thảo, tọa đàm, khóa học ngắn hạn nhằm giới thiệu phương pháp học tập hiệu quả, kỹ năng số và khả năng tự học;
- Hướng dẫn sử dụng nền tảng học tập mở, giúp người dân, đặc biệt là những người mới tiếp cận công nghệ, nhanh chóng làm quen và khai thác tối đa các tài nguyên học tập trực tuyến.

Những nỗ lực này không chỉ nâng cao nhận thức mà còn khích lệ người học duy trì thói quen học tập liên tục, từ đó phát triển văn hóa học tập suốt đời trong toàn xã hội.

4. Khuyến khích doanh nghiệp tham gia phát triển kỹ năng học tập cho người lao động

Doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kỹ năng và năng lực học tập suốt đời cho nhân lực. Các doanh nghiệp có thể hợp tác với cơ sở giáo dục, các nền tảng học tập trực tuyến và các tổ chức đào tạo để:

- Thiết kế chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu thực tế, kết hợp giữa kỹ năng số, tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng;

- Hỗ trợ nhân viên tham gia các khóa học trực tuyến, chương trình bồi dưỡng liên tục và các hoạt động học tập dựa trên dự án;

- Tạo môi trường khuyến khích học tập và đổi mới sáng tạo, từ đó nâng cao năng lực cá nhân và giá trị cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường.

Sự tham gia tích cực của doanh nghiệp không chỉ nâng cao năng lực người lao động mà còn giúp họ nhanh chóng thích ứng với chuyển đổi số, phát triển nghề nghiệp bền vững và đáp ứng yêu cầu của kinh tế tri thức hiện đại.

Nhìn chung, việc kết hợp học tập suốt đời với xã hội học tập số và chuyển đổi số sẽ góp phần xây dựng nguồn nhân lực linh hoạt, sáng tạo và thích ứng, đồng thời thúc đẩy phát triển xã hội học tập bền vững, đáp ứng yêu cầu kinh tế tri thức.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Elçi, E. (2024). *The relationship between digital literacy levels and lifelong learning tendencies of future teacher candidates*. South African Journal of Education, 44(4), 1-13. <https://files.eric.ed.gov/fulltext/EJ1459754.pdf>
- [2]. “Học tập suốt đời: Chìa khóa để thích ứng với cuộc cách mạng công nghệ.” (2025, March 12). *VietnamPlus*. <https://www.vietnamplus.vn/.../hoc-tap-suot-doi-chia-khoa-de-thich-ung-voi-cuoc-cach-mang-cong-nghe-post1020311.vnp>
- [3]. Håkansson Lindqvist, M. (2024). *Higher education transformation towards lifelong learning*. Learning and Instruction. <https://www.tandfonline.com/doi/full/10.1080/02601370.2023.2279047>
- [4]. Jaldemark, J. (2021). *Lifelong learning in the digital era*. British Journal of Educational Technology. <https://bera-journals.onlinelibrary.wiley.com/doi/full/10.1111/bjet.13128>
- [5]. “Phong trào học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập.” (2023, June 15). *Tạp chí Cộng sản*. <https://hvlq.vn/.../phong-trao-hoc-tap-suot-doi-va-xay-dung-xa-hoi-hoc-tap.html>
- [6]. “Xây dựng xã hội học tập, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời người dân.” (2025, February 26). *Nhân Dân Online*. <https://nhandan.vn/.../xay-dung-xa-hoi-hoc-tap-dap-ung-nhu-cau-hoc-tap-suot-doi-nguoi-dan-post861824.html>
- [7]. “Chuyển đổi số với đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.” (2025, June 26). *Lý Luận Chính Trị*. <https://lyluanchinhtri.vn/.../chuyen-doi-so-voi-doi-moi-can-ban-toan-dien-giao-duc-va-dao-tao-6969.html>
- [8]. National Institutes of Health (PMC). (2023). *Lifelong learning in the educational setting: A systematic literature review*. National Library of Medicine. <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC10182754/>
- [9]. Springer. (2025). *Artificial intelligence literacy, lifelong learning, and fear of innovation: Identification of profiles and relationships*. Education and Information Technologies. <https://link.springer.com/article/10.1007/s10639-025-13548-y>

LIFELONG LEARNING SKILLS IN THE CONTEXT OF A DIGITAL LEARNING SOCIETY

Quang Thi Thuy²

Abstract: *This paper examines the role of lifelong learning skills in the context of the digital learning society, focusing on the assessment of learners' self-learning capacity, digital skills, critical thinking, and online collaboration. The study applies a qualitative approach that combines content analysis of policy documents, academic research, statistical reports, and 30 semi-structured interviews with diverse learners, including university students, online learners, and working professionals. The findings indicate that self-learning, time management, and digital skills are core factors determining the ability to sustain continuous learning in the digital environment. At the same time, learners highly value access to open resources but still face challenges in motivation and learning management, while employers emphasize the need for a workforce capable of fast learning, adaptability, and effective performance in the digital environment. The paper also compares the findings with international competency frameworks such as DigComp (EU) and PIAAC (OECD) to assess their relevance to the Vietnamese context. Based on this, the study proposes recommendations to integrate lifelong learning skills into formal and non-formal education programs, develop digital infrastructure, enhance communication on lifelong learning, and promote cooperation between educational institutions, enterprises, and online learning communities. These recommendations aim to build a flexible and sustainable digital learning society while improving the competitiveness of human resources in the digital transformation era.*

Keywords: *digital skills, lifelong learning, online collaboration, self-learning, digital learning society*

² Institute of Economics and Public Policy, Vietnam - Hungary University of Industry